CTCP Nhựa Bình Minh

FireAnt

Ngày 31/03/2024	110,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.5%	3.8%	37.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	51,051 - 119,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,005
Số lượng CPLH (CP)	81,860,938
KLGD BQ 20 phiên (CP)	247,995
Sở hữu nước ngoài	85.9%
Beta	1.06
EPS	11,594
P/E	9.5

DT thuần
Q1/24
1,003
tỷ VNĐ
QoQ: ▼451| -31.0%
YoY: ▼437| -30.4%

LN trước thuế
Q1/24
237
tỷ VNĐ
QoQ: ▼82.0| -25.6%
YoY: ▼114| -32.4%

LN sau thuế
Q1/24
190
tỷ VNĐ
QoQ: ▼67.0| -26.1%
YoY: ▼91.0| -32.4%

ROA
2023
33.0%
+/- YoY: ▲ 9.4%

DT thuần
2023
5,157
tỷ VNĐ
YoY: ▼651| -11.2%

LN trước thuế
2023
1,307
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 436| 50.0%

LN sau thuế
2023
1,041
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 347| 49.9%

ROE
2023
39.2%
+/- YoY: ▲ 10.9%

Cơ cấu sở hữu

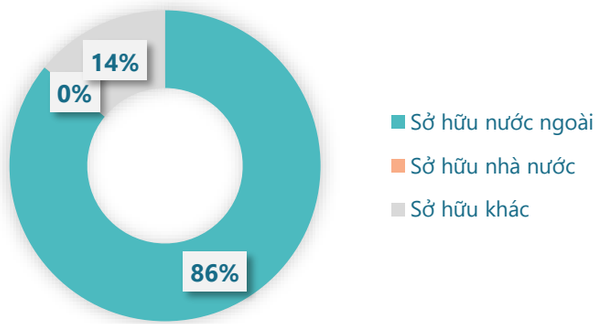

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

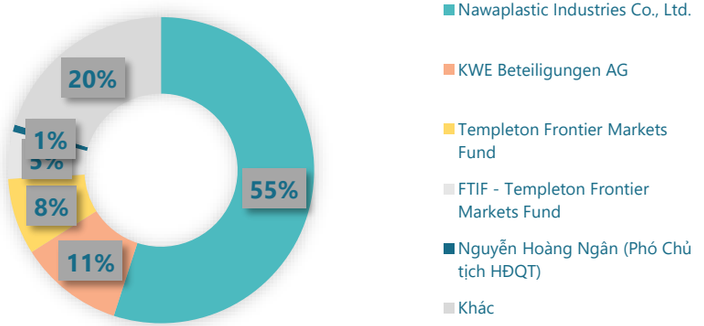

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

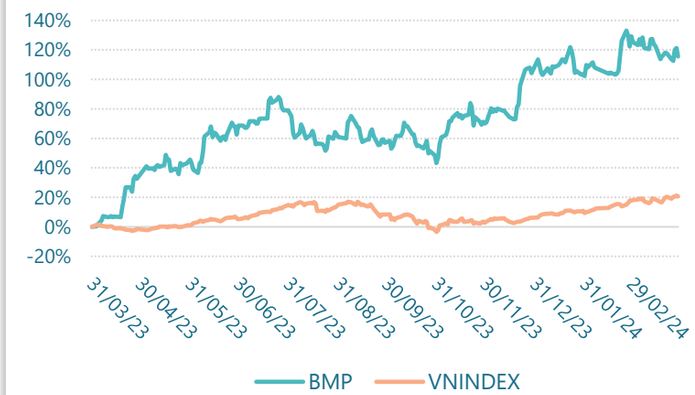

Kết quả kinh doanh

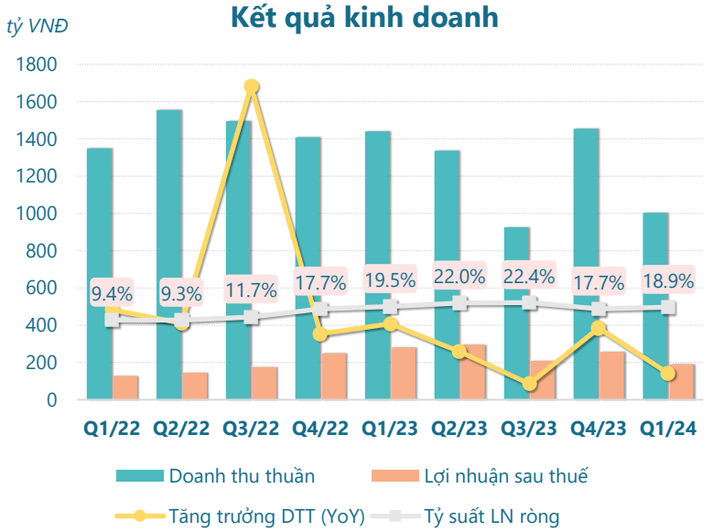

(Nguồn: fireant.vn)

EBIT - Lợi nhuận sau thuế

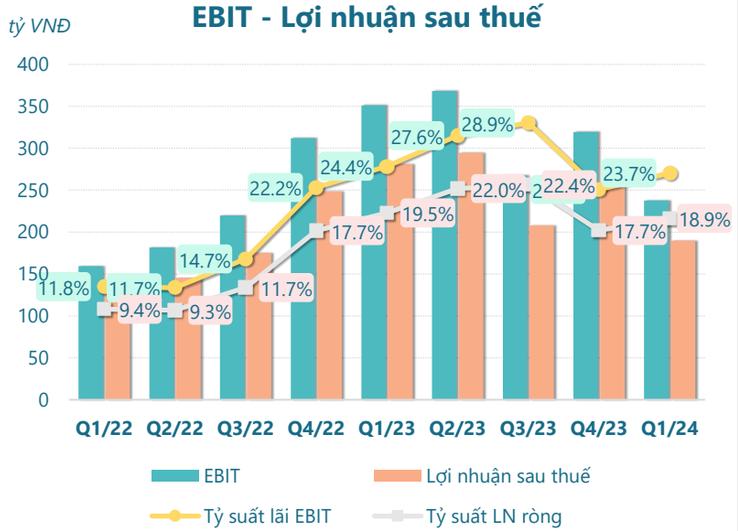

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

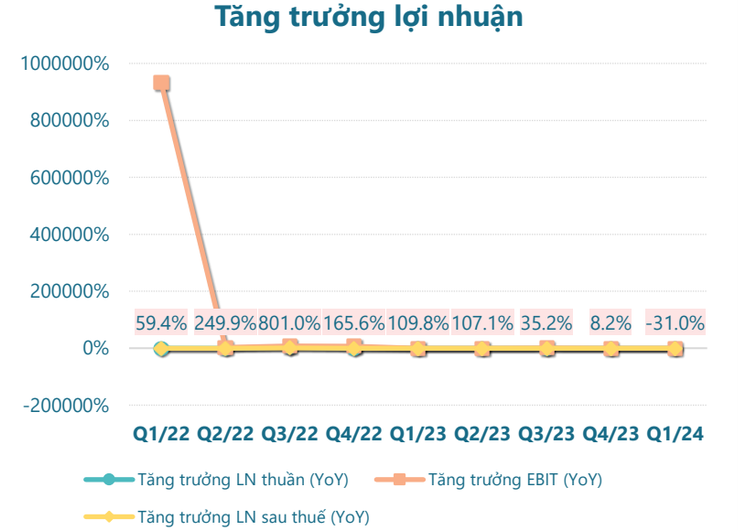

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu lợi nhuận

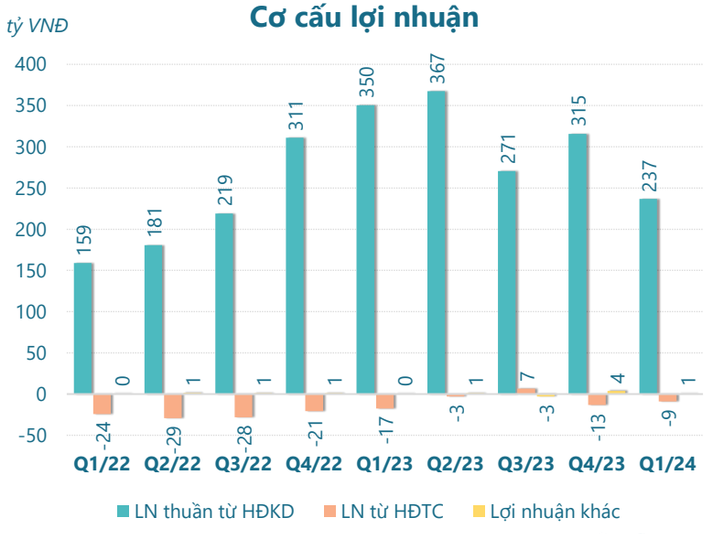

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu chi phí

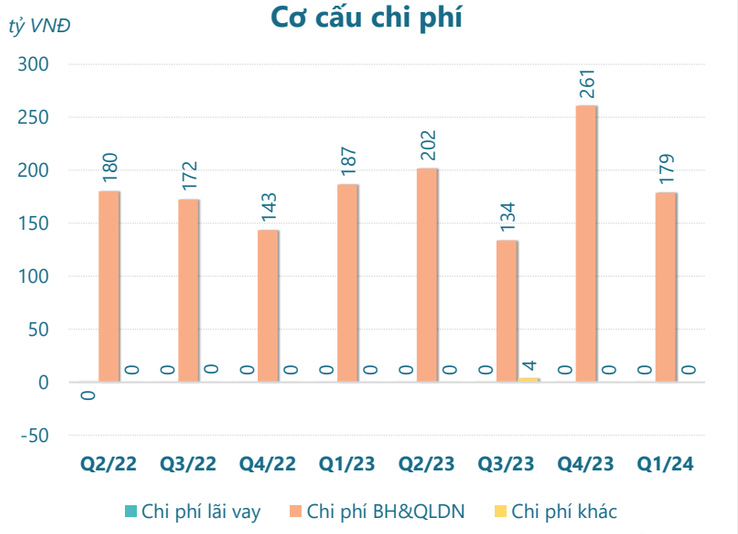

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

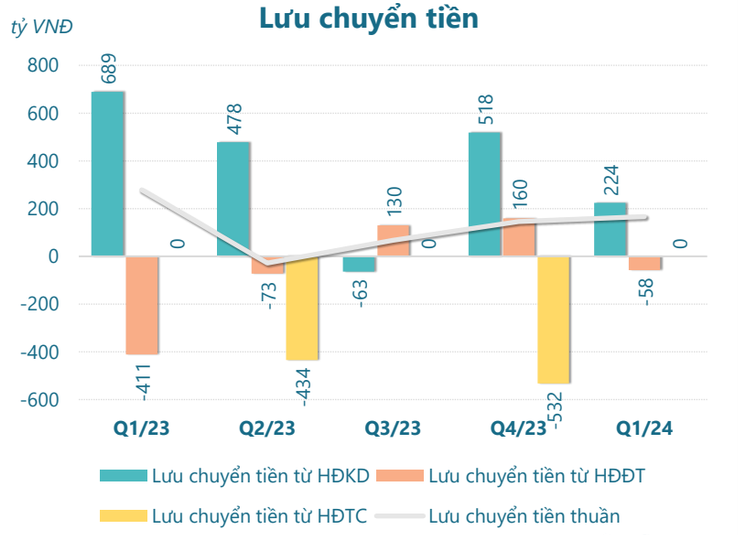

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

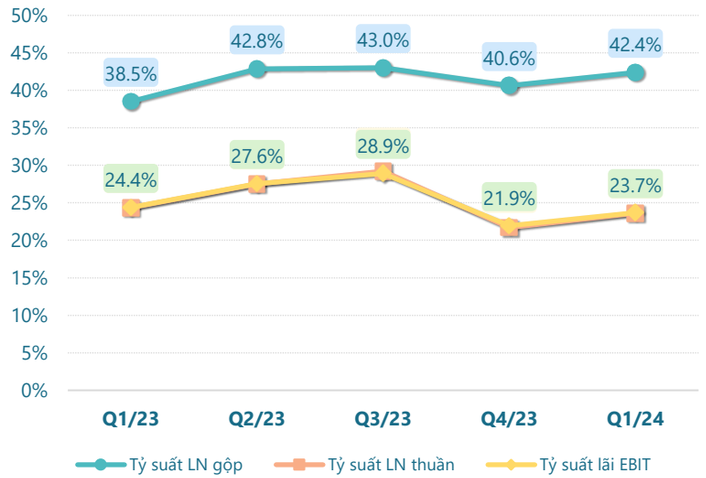

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

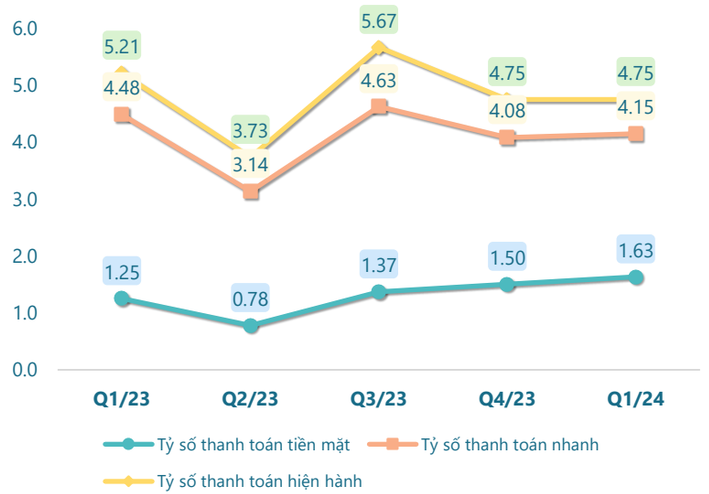

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

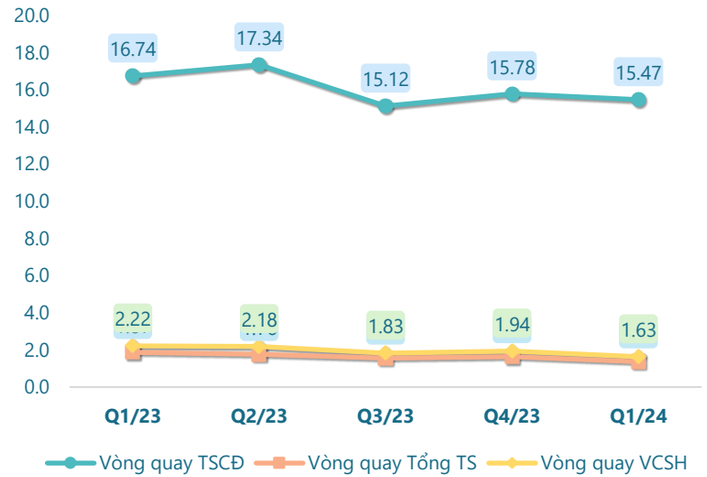

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

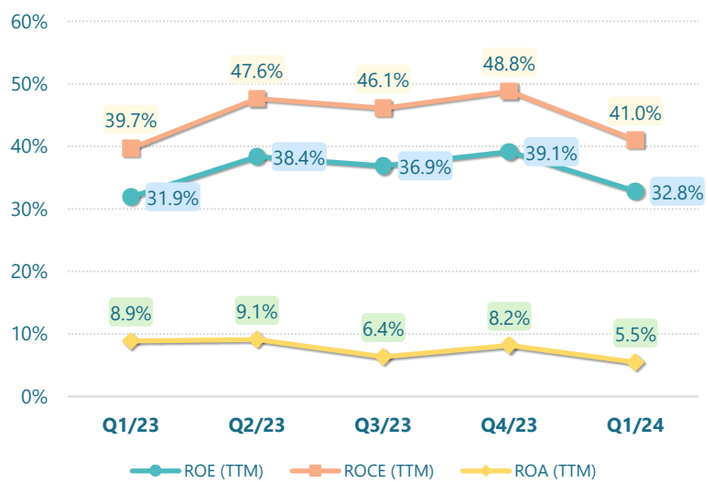

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

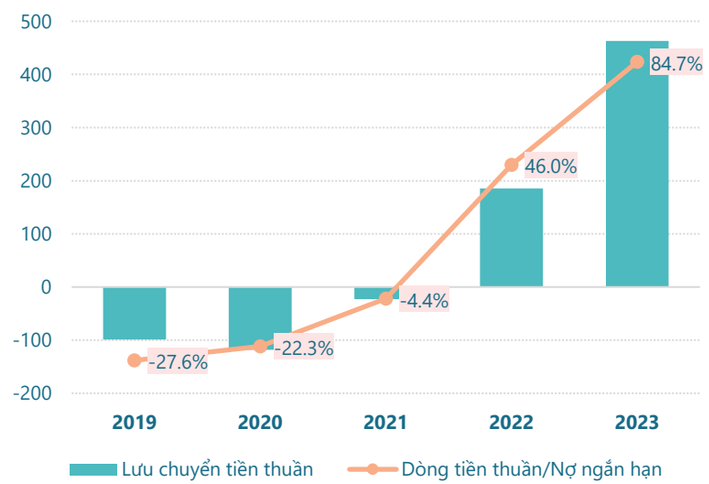

(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá

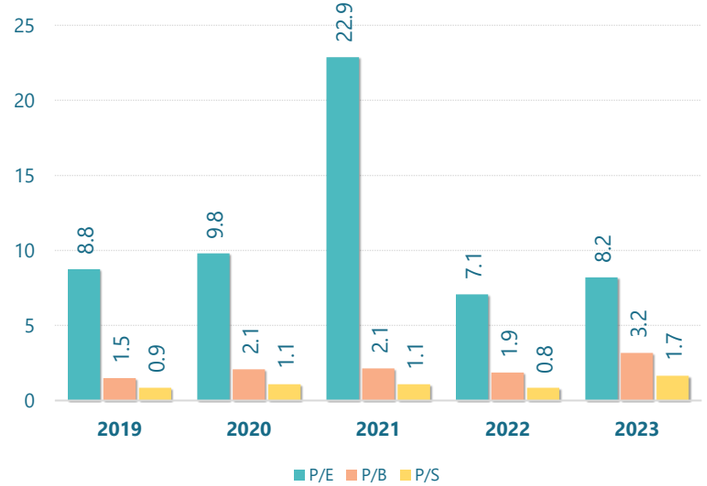

(Nguồn: fireant.vn)